HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ CHIỀNG SUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/NQ-HĐND	*Chiềng Sung, ngày 19 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG SUNG
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-KTNS ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

1.1. Mục tiêu

Giữ vững vai trò hạt nhân chính trị, trung tâm đoàn kết và lãnh đạo toàn diện ở địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch, phát triển hạ tầng, quản lý đất đai và dịch vụ công; thúc đẩy phát triển đồng bộ kinh tế - văn hóa - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số để xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, phục vụ Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền số. Chủ động nắm chắc tình hình; phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt và Nhân dân trong giữ gìn an ninh, trật tự. Phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử cách mạng và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; xây dựng không gian văn hóa lành mạnh, bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển con người toàn diện, giàu lòng tự hào, có khát vọng cống hiến, xây dựng địa phương phát triển nhanh, bền vững.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030: 23 chỉ tiêu *(có Biểu chi tiết kèm theo).*

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Phát triển kinh tế xanh, nhanh, bền vững

2.1.1. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển đồng bộ và tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế; nâng cao

năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển theo định hướng tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất theo hướng áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, công dân số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phát huy lợi thế của từng địa phương và tiếp cận với nhu cầu thị trường; gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Cải thiện các điều kiện để tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế liên kết cùng phát triển.

2.1.2. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững

Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để có sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Phát triển nông nghiệp đa dạng sinh học, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các bản đặc biệt khó khăn.

Quản lý vận hành công trình thủy lợi gắn lợi ích với quyền lợi và trách nhiệm của người quản lý vận hành, người dùng nước. Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ phục vụ tưới tiêu cho cây lúa, cây rau màu, cây ăn quả. Ứng dụng công nghệ tiên tiến tưới tiết kiệm nước. Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo vệ, phát triển rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; phấn đấu trồng rừng mới tập trung trong nhiệm kỳ trồng 30 ha rừng và 10.000 cây phân tán

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng bản nông thôn mới nâng cao, bản nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống. Nâng cao hiệu quả đầu tư, kết hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

2.1.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Phát triển nhà máy điện gió, điện mặt trời, khai khoáng và chế biến khoáng sản cát; Đồng thời, tập trung hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng đặt biệt tập trung hạ tầng giao thông. Huy động các nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ

môi trường, ứng dụng khoa học - công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

2.1.4. Phát triển thương mại, dịch vụ

Thu hút đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thúc đẩy phát triển thương mại. Tiếp tục tham gia các chương trình, sự kiện xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Tăng cường kết nối giao thương giữa hộ sản xuất, kinh doanh trong xã với các doanh nghiệp, HTX trong và ngoài tỉnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2.1.5. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với thực hiện cơ cấu lại đầu tư công

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các dự án tạo động lực lan tỏa, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mở rộng thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.1.6. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản công ngân sách

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm 5% *(không bao gồm các khoản thu ổn định)* so với ước thực hiện năm trước, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực, thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2.1.7. Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển

Tiếp tục phát huy vai trò của kinh tế tư nhân. Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả; tăng cường liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế để tạo thành các chuỗi giá trị mang tính bền vững, hiệu quả. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp gắn liền với các sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã.

Thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh doanh hiệu quả, bền vững. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết, giúp doanh nghiệp, HTX dễ dàng tiếp cận và tham gia vào thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, tự động hóa sản xuất để tạo ra

các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP;

2.1.8. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ

Đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, trọng tâm là cứng hóa đường đến trung tâm bản gắn với các Chương trình mục tiêu Quốc gia; coi trọng và dành nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Ưu tiên sắp xếp và phát triển các vùng kinh tế trung tâm của xã; trọng tâm là các bản Nong Bình, Cao Sơn, Tân Lập, Hùn, Nà Phương phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ mới. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng nội dung số góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2.1.9. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, tiềm năng, đặc sản địa phương của xã Chiềng Sung.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

2.2.1. Lĩnh vực Văn hoá, thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, Đẩy mạnh thực hiện phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*; chú trọng nâng cao chất lượng phong trào xây dựng và giữ vững danh hiệu *"Gia đình văn hóa"*. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030. Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở các bản. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người. Phấn đấu đến năm 2030 trên 80% dân số được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa.

Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh.

2.2.2. Y tế

Củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của trạm và điểm y tếđáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; từng bước thiết lập hệ thống sổ sức

khỏe điện tử của người dân. Phấn đấu mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu hằng năm đạt trên 95%.

2.2.3. Giáo dục, lao động

Chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi.. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích.

Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Phấn đấu đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

2.2.4. An sinh xã hội

Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Quan tâm thực hiện tốt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, giúp người dân an cư lạc nghiệp, vươn lên thoát nghèo bền vững. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia; tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, đặc biệt là quan tâm chăm lo phát triển sản xuất; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức vươn lên thoát nghèo, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống ma túy.

2.3. Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên được bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

2.3.1. Tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, hữu cơ bền vững. Hạn chế các ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

Xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; rà soát,

chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý, khai thác sử dụng đất đai bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, công bằng và ổn định xã hội; lợi ích người dân, lợi ích cộng đồng trước mắt cũng như lâu dài.

2.3.2. Giải pháp về năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng, trong sinh hoạt...

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

2.3.3. Giải pháp về quản lý, phát triển nông thôn

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng; cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời để ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý đầu tư, sử dụng đất, trật tự xây dựng, đấu thầu trên địa bàn xã. Rà soát cân đối, bố trí số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm để thực hiện Đề án *"Đo đạc, hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai xã Chiềng Sung"* theo đúng quy định.

2.4. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân. Kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ; quan tâm chỉ đạo tăng cường phương tiện, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ số, tự động hoá, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác.

Chú trọng bảo đảm công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an ninh nội bộ; thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Huy

động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đoàn thể trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Chiềng Sung khóa XXI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Sơn La;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Thường trực đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các ban HĐND xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các Phòng chuyên môn xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ CHIỀNG SUNG T.SƠN LA

Hoàng Thị Ngọc Ngân

Xã Chiềng Sung

Phụ Lục 1.2

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030

Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Chiềng Sung)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I	ƯTH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					2026	2027	2028	2029	2030
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**								
1	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2030	Tỷ đồng	1,67	2,950	2,513	2,607	2,850	2,900	2,904
	Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn	%	đạt 4-5%.		đạt 4-5%.				
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	125.850	19.082	19.022	18.493	18.479	17.974	17.824
	Tổng sản lượng cây công nghiệp	Tấn	70.760	58.494	58.280	57.846	55.746	54.346	50.716
	Tổng sản lượng cây ăn quả	Tấn	4.210	5.253	5.262	5.270	5.279	5.287	5.296
	Thịt hơi xuất chuồng	Tấn	12.590	1.109	1.170	1.228	1.273	1.322	1.364
	Thủy sản	Tấn	45	45,60	46,50	46,50	46,50	46,50	46,50
3	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản		đạt 7.082 hộ						7.082
4	Trồng rừng, trồng cây phân tán								
	Trồng rừng	ha	30		5	5	5	5	5
	Trồng cây phân tán	nghìn cây	10	5,5	2	2	2	2	2
5	Thành lập mới Doanh nghiệp	Doanh nghiệp	2	-				1	1

Xã Chiềng Sung

Phụ Lục 1.2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I	ƯTH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					2026	2027	2028	2029	2030
	Thành lập mới Hợp tác xã	HTX	5		1	1	1	1	1
II	**CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI**								
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2030	%		70	70	68	67	66	65
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	38,5	39,3	38,5	38,5	38,5	38,5	38,5
	Số lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	người	70	10	10	15	15	15	15
2	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/năm	50	46	46	46	47	48	50
3	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2030	%	100	100	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ hộ nghèo	%		6,43	4,96	3,59	2,27	1,02	-
	Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân	%	1,25		Giảm 0,3-1,25%/năm				
5	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	98,20%	92,44	92,44	99,30	99,60	99,80	100,00
6	Chỉ tiêu nông thôn mới	xã	1						1
	Tổng số bản đạt chuẩn nông thôn mới	bản	12	5	7	9	10	11	12
	Tổng số bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	bản	6	4	4	4	4	5	6

Xã Chiềng Sung

Phụ Lục 1.2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I	ƯTH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					2026	2027	2028	2029	2030
7	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến năm 2030	%	100	100	100	100	100	100	100
8	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến hết năm 2030	%	75,00	63,46	67,30	69,20	71,30	73,00	75,00
9	Đến năm 2030, số người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý giảm so với đầu nhiệm kỳ	%		-	-	-	-	-	-
10	Đến năm 3030 tỷ lệ bản chuyển hóa, xây dựng không có ma túy	%	81,00	65,40	73,10	75,00	77,00	79,00	81,00
11	Tỷ lệ hồ sơ Giải quyết thủ tục hành chính được số hoá	%	100	45	65	75	85	95	100
12	Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình	%	100	48	60	70	80	90	100
13	tỷ lệ chi cho KHCN, đổi mới, sáng tạo	%	2	0	0,0	0,5	0,5	0,5	0,5
14	Tỷ lệ bản có băng rộng cố định	%	100	50	60	70	80	90	100
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**								
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030	%	49.3	38,6	48,4	48,6	48,7	49,3	49,3
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2030	%	92.8	87,0	87,0	89	91	92	92.8

Xã Chiềng Sung

Phụ Lục 1.2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I	ƯTH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					2026	2027	2028	2029	2030
3	Tỷ lệ phân loại rác thải tại nguồn	%	86	50	55	60	70	80	86
4	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định *(bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc)* đến năm 2030	%	22,63	22,63	24,7	24,7	24,8	24,8	24,8